

Số: 336/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 11548/TTr-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2019, Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại văn bản số 11549/BC-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2019 và văn bản số 1490/BGTVT-KHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc làm rõ tên, phạm vi của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi nghiên cứu quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Toàn bộ ranh giới quốc gia thuộc chủ quyền của Việt Nam.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm

- Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, đảm bảo phát huy hiệu quả của toàn hệ thống giao thông vận tải, phát huy tối đa lợi thế của vận tải hàng không.

- Quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu về vận tải hành khách, hàng hoá; gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của quốc gia.

- Quy hoạch cần bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Quy hoạch cần thống nhất, liên kết với các quy hoạch khác và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

b) Mục tiêu

- Nghiên cứu quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đến năm 2050, đưa ra lộ trình đầu tư phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, đảm bảo kết nối ngành, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chủ yếu về cơ chế, chính sách phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay.

c) Nguyên tắc

- Tuân thủ Luật Quy hoạch, các nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật quy hoạch, các quy định của pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch tổng thể hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc với các quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông khác. Bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Bảo đảm phù hợp quy chuẩn và tương thích về tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan; Phù hợp xu hướng công nghệ, vật liệu, quản lý, khai thác hiện đại, tiết kiệm năng lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân và bảo đảm quốc phòng an ninh, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất.

- Bảo đảm tính khả thi của quy hoạch, phù hợp nguồn lực để thực hiện.

3. Các nội dung chủ yếu của nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và đánh giá hiện trạng, thực trạng hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, sự phân bố các cảng hàng không, sân bay trên toàn quốc. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch thời kỳ trước (bao gồm cả Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg).

b) Dự báo xu thế phát triển: Nghiên cứu phương pháp dự báo về vận chuyển hàng không theo hướng dẫn của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) hoặc tham khảo kinh nghiệm các nước tiên tiến trên thế giới. Từ đó dự báo xu thế phát triển, xác định nhu cầu và yêu cầu về vận chuyển hàng không dân dụng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển kinh tế vùng, địa phương và các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trong thời kỳ quy hoạch.

c) Đánh giá về mối liên kết của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trong ngành hàng không dân dụng, liên kết vùng; đánh giá tính đồng bộ của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các phương thức vận tải khách như đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải....

d) Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; những cơ hội và thách thức phát triển của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

đ) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển và nguyên tắc lập quy hoạch hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

e) Xây dựng phương án tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định quy mô, mạng đường bay khai thác của hệ thống cảng hàng không, sân bay.

- Xác định quy hoạch phát triển đối với từng cảng hàng không, sân bay bao gồm: loại hình, vai trò, vị trí, quy mô (bao gồm cả việc xác định các cảng hàng không chính, trung chuyển của Việt Nam); dự báo các trục đường bay dự kiến khai thác trong mạng cảng hàng không; đánh giá việc phát triển mở rộng các cảng hàng không, đặc biệt là các cảng hàng không hiện hữu lớn như: Nội Bài, Cát Bi, Đà Nẵng, Long Thành... để có định hướng dự trữ đất đai phục vụ phát triển (như dự trữ xây dựng thêm đường cất hạ cánh và các công trình dịch vụ) hoặc nghiên cứu bổ sung cảng hàng không, sân bay mới; nghiên cứu, rà soát đề xuất phát triển các trung tâm Logistics chuyên dụng hàng không; nghiên cứu, rà soát đề xuất phát triển các trung tâm đào tạo phi công tại cảng hàng không, sân bay; nghiên cứu, rà soát đề xuất phát triển hàng không chung; nghiên cứu, rà soát phát triển đô thị cảng hàng không có tiềm năng; nhu cầu sử dụng đất, ước toán chi phí đầu tư.

- Rà soát, cập nhật kết quả các nghiên cứu, quy hoạch các cảng hàng không đã hoặc đang được nghiên cứu, quy hoạch trong giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 như cảng hàng không, sân bay quốc tế Nội Bài ...

- Xác định vai trò của các cảng hàng không cửa ngõ/cảng hàng không lớn (bao gồm cả định hướng phát triển đô thị khu vực cảng hàng không (nếu có)).

- Xác định và lượng hóa tiêu chí xem xét, quyết định chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế (nếu có).

g) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia.

h) Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và thứ tự ưu tiên thực hiện, trong đó cần phân tích và đưa ra các tiêu chí cụ thể để xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (ví dụ như: nhu cầu, tính khả thi về kinh tế, tính khả thi về tài chính, tác động đến ngành và kinh tế xã hội vùng miền, phù hợp với chính sách phát triển quốc gia và quy hoạch cao hơn...).

i) Xác định giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch: Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư; Giải pháp về cơ chế, chính sách theo nhóm ngành; Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ; Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực; Giải pháp về hợp tác quốc tế; Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch; Giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội đối với người dân bị ảnh hưởng bởi việc triển khai việc bố trí sử dụng đất và đất có mặt nước theo Quy hoạch .

k) Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và xử lý, tích hợp vào báo cáo quy hoạch.

l) Thành phần hồ sơ: Theo quy định tại Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

4. Thời hạn lập quy hoạch: Không quá 12 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Chi phí lập quy hoạch

- Chi phí lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công của Bộ Giao thông vận tải được phê duyệt theo quy định.

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định cụ thể về chi phí lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức cho hoạt động quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

6. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Bộ Giao thông vận tải.

- Cơ quan lập quy hoạch: Do Bộ Giao thông vận tải quyết định.

- Tổ chức tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trách nhiệm trong việc tổ chức lập quy hoạch

1. Bộ Giao thông vận tải là cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, có trách nhiệm đảm bảo việc triển khai thực hiện các bước theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan. Trong quá trình lập quy hoạch, tùy theo yêu cầu cần nghiên cứu chuyên sâu, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để phục vụ cho công tác lập quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình lập quy hoạch theo quy định của pháp luật và phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.



Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi thành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, PL;
- Lưu: VT, CN (2). **76**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng

